

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2025/HS-ST**
Ngày 10 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiên Việt và ông Lê Đức Hỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Vi Văn B (tên gọi khác: H Bò), sinh năm 1976 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký thường trú: Xóm T, xã Minh T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Vi Văn C (đã chết) và con bà Trần Thị H, sinh năm 1956; có vợ là Trần Thị C1, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và vợ hai là Đào Thị H1, sinh năm 1976, có 01 con sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 02/02/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Bản án số 49/2019/HSST.

- Ngày 20/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 16/2007/HS-ST. Bị cáo kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm, xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Bản án số 42/2008/HSST ngày 28/3/2008.

- Ngày 23/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Bản án số 13/2009/HSST, đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/8/2010 và đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2024, hiện đang bị tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Các bị hại:

- Ông Điều N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Bon Bu Dong, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

- Ông Điều P, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Bon Bu Dong, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

Người làm chứng:

- Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 93/10, tổ 4, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Tống Đức V, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Bị hại và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2013, đối tượng tên Q1 (không xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ rủ Vi Văn B từ huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước lên huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông để đi trộm cắp trâu, bò thì B đồng ý. Sau đó Bằng điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng, biển kiểm soát 48B1-228.49 đi từ tỉnh Bình Phước đến thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông để gặp Q1, cả hai cùng đi ăn tối và nói chuyện với nhau, sau đó B thuê nhà nghỉ tại thị trấn Kiến Đức để nghỉ. Khoảng 10 giờ ngày 29/9/2013, Q1 điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đỏ đen (không rõ biển kiểm soát) đến chở Bằng đi xem địa điểm trộm cắp, cả hai đi từ thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp vào trung tâm xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức, sau đó đi theo đường liên thôn về hướng xã Đăk Wer, huyện Đăk R'Lấp. Khi đi đến một cánh đồng ruộng thuộc bon Bu Dâng, xã Đăk R'Tih thì Q1 dừng xe lại và chỉ cho B địa điểm để trộm trâu.

Sau đó Q1 tiếp tục chở Bằng đi đến một bãi đất trống cách đó khoảng 500m và nói với B đây là địa điểm tập kết trâu trộm cắp được đưa lên xe để mang đi tiêu thụ. Sau khi đã chỉ địa điểm cho B, Q1 chở B về lại thị trấn Kiến Đức. Lúc này Q1 cho B số điện thoại của Lê Ngọc Q là người được thuê để chở trâu trộm cắp và bảo B gọi điện thoại để đón Q, còn Q1 đi đón Tống Đức V để cùng đi trộm cắp. Khi cả

ba người gồm Q1, B, V gặp nhau và ngồi uống cà phê tại ngã ba Đồi Thông thuộc xã Đăk Wer, huyện Đăk R'Lấp để chờ Q. Khi Q đến, B và Q1 điều khiển xe máy chở Q đi đến bãi đất trống tại bon Bu Dâng, xã Đăk R'Tih chỉ cho Quế địa điểm tập kết trâu trộm cắp được, còn V ở lại trông coi xe ô tô tải cho Q. Khi chỉ địa điểm cho Q, Q1 và B nói khi nào nhóm của Q1 trộm cắp được trâu thì Q điều khiển xe ô tô tải đến đây để dắt trâu lên đưa đi tiêu thụ. Cả ba quay lại xã Đăk Wer và cùng Văn đi ăn tối tại chợ xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp. Sau khi ăn tối xong, tất cả đi ngược về hướng thị trấn Kiên Đức, khi đến ngã ba Đồi Thông thuộc xã Đăk Wer, Q1 hướng dẫn cho Q chạy vào hướng xã Đăk R'Tih để chờ, khi nào trộm cắp được trâu sẽ gọi điện thoại cho Q chạy đến chở còn Q1, B, V điều khiển xe máy đi về thị trấn Kiên Đức để nghỉ ngơi.

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 30/9/2013, Q1 cùng B, V điều khiển xe máy đi đến bãi đất trống tại bon Bu Dâng, xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức (địa điểm được lựa chọn làm bãi tập kết trâu trộm cắp được), sau đó đưa hai xe máy vào bụi cây cắt giấu để tránh bị phát hiện. Cả ba người đi bộ xuống cánh đồng thì phát hiện 06 con trâu của gia đình ông Điều N và gia đình ông Điều P đang cột tại bãi đất trống cách đường khoảng 10 mét. Cả ba đi xuống mở dây trâu và dắt mỗi người 02 con đi theo cánh đồng ruộng về điểm tập kết. Trên đường đi, Bằng gọi điện thoại thông báo cho Q biết đã trộm cắp được trâu và bảo Q điều khiển xe tải vào chở. Sau khi nhận cuộc gọi của B, Q điều khiển xe tải đi đến bãi đất trống và lùi xe vào chờ sẵn, Q1, B, V dắt trâu về và đưa lên xe nhưng không được. Lúc này thấy có một chiếc xe máy chạy về hướng của mình, sợ bị phát hiện nên tất cả thả trâu ra và lừa đi chỗ khác. Sau đó V lấy xe máy của B chở B bỏ chạy về hướng xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp; Q lên xe tải điều khiển chạy theo sau xe của B còn Q1 điều khiển xe máy bỏ chạy về hướng trung tâm xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức. Q điều khiển xe chạy được khoảng 01km thì bị bắt giữ.

Ngày 31/10/2013 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã khởi tố bị can đối với Vi Văn B. Tuy nhiên, Vi Văn B đã bỏ trốn nên ngày 06/3/2014 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã Quyết định truy nã. Đến ngày 10/10/2024 Vi Văn B bị bắt theo quyết định truy nã. Ngày 17/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự và phục hồi điều tra bị can.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Đức xác định: Tổng giá trị tài sản của 06 con trâu tại thời điểm bị trộm cắp là 81.500.000 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó 03 con trâu mẹ trị giá: 62.000.000 đồng, 03 con nghé trị giá: 19.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 08/CT-VKS-TĐ ngày 15/01/2025, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Vi Văn B (H Bò), về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Văn B phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 02 tháng 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/10/2024.

Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh bị cáo không có tài sản gì nên không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đã được giải quyết tại Bản án số 17/2014/HS-ST ngày 28/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Đối với Tổng Đức V và Lê Ngọc Q đã bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt tại bản án số 17/2014/HSST ngày 28/5/2014 nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên Q1 quá trình điều tra chưa xác định nhân thân lai lịch nên tiếp tục tách ra xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo rất hối hận và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách

quan của vụ án, thể hiện: Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 30/9/2013, tại bon Bu Dong, xã Đắk RTh, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, Vi Văn B cùng Tổng Đức V, Lê Ngọc Q và đối tượng tên Q1 đã có hành vi trộm cắp 06 con trâu (trong đó có 03 con trâu lớn và 03 con trâu con) của gia đình ông Điều N và gia đình ông Điều P có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 81.500.000 đồng (*Tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*). Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Vi Văn B phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 30/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015. Hành vi phạm tội nêu trên của Vi Văn Bằng đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nay là điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015*) và Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Tại Điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

e) *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*”.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Trong vụ án này, đối tượng tên Q1 là người khởi xướng rủ bị cáo Vi Văn B và Tổng Đức V, Lê Ngọc Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên Q1 nên xác định các bị cáo phạm tội chỉ là đồng phạm gián đơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của

mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại cho các bị hại và tài sản đã được trả lại cho các bị hại; bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có nhân thân đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc xử lý tội phạm nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, theo kết quả xác minh bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản riêng gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án: Đã được giải quyết tại Bản án số 17/2014/HS-ST ngày 28/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức nên không đề cập giải quyết.

[10] Đối với Tổng Đức V và Lê Ngọc Q đã bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt tại Bản án số 17/2014/HSST ngày 28/5/2014 nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên Quân quá trình điều tra chưa xác định nhân thân lai lịch nên tiếp tục tách ra xác minh, điều tra khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[11] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vi Văn B (H Bò) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vi Văn B (H Bò) **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/10/2024.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Vi Văn B phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo; các bị hại;
- Lưu HSVA, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký và đóng dấu*)

Nông Văn Nhu